

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/7/2025
V/v “Tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sơn Mút

Ông Lương Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Huyền T - Thư ký Tòa án nhân dân
khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long tham gia
phiên tòa:** Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh
Long, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:
369/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn và
nuôi con chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
43/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Kim T**, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Tổ 07, ấp
Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Nay là ấp Đ, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long), có
mặt.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn M**, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Tổ 07, ấp Đ, xã
Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long (Nay là ấp Đ, phường Đ, tỉnh Vĩnh Long), vắng
mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**- Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2024 và các lời khai tiếp theo trong
quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Kim T trình bày:** Vào năm

2007 qua mai mối, chị T và anh Trần Văn M tiến tới hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn được UBND xã Đông Thành, thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường Đông Thành, tỉnh Vĩnh Long) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/01/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2024 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh M.

+ Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Kiều Trinh, sinh ngày 29/12/2008 và Trần Thị Kiều Hoa, sinh ngày 27/4/2015. **Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thị Kiều Trinh và đồng ý giao cho anh M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thị Kiều Hoa, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.**

+ Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Trần Văn M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 369/2024/TB-TLVA ngày 24/12/2024; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 112/2024/TB-TA ngày 10/02/2024; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 304/2025/TB-TA ngày 26/3/2025; Thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ (lần 1) số 305/2025/TB-TA ngày 26/3/2025; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 577/2025/TB-TA ngày 20/5/2025; Thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ (lần 2) số 578/2025/TB-TA ngày 20/5/2025; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/6/2025 và giấy triệu tập xét xử lần 1 ngày 18/6/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2025 và giấy triệu tập xét xử lần thứ hai nhưng anh M không đến Tòa án để trình bày và cung cấp bản khai đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Kim T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn Trần Văn M vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Nguyễn Kim T khởi kiện xin ly hôn với bị đơn Trần Văn M có nơi cư trú tại ấp Đông Hòa 1, xã Đông Thành, thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh Long nay là ấp Đông Hòa 1, phường Đông Thành, tỉnh Vĩnh Long do đó Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 03/7/2025, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long mở phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất, anh M đã được tổng đạt hợp lệ: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập xét xử lần 1 bằng hình thức nhận trực tiếp nhưng anh M vắng mặt không rõ lý do. Sau đó, anh M đã được tổng đạt hợp lệ: Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2025 và giấy triệu tập xét xử lần thứ hai bằng hình thức nhận trực tiếp nhưng tại phiên tòa hôm nay anh M vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do bị đơn Trần Văn M đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ hai lần mà vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh M.

[2] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh M có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Đông Thành, thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường Đông Thành, tỉnh Vĩnh Long) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/01/2008 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét quá trình chung sống của chị T và anh M: Theo lời khai của chị T, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, anh M thường xuyên uống rượu về đánh đập chị nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 06/2024 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh M không có đến Tòa án để trình bày và nộp bản khai nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T nên phải chịu hậu quả bất lợi theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do giữa chị T và anh M đã không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh M.

[2.2.] Về nuôi con chung:

Trong quá trình chung sống, chị T và anh M có 02 con chung tên Trần Thị Kiều Trinh, sinh ngày 29/12/2008 đang sống cùng chị T và Trần Thị Kiều Hoa, sinh ngày 27/4/2015 hiện đang sống cùng anh M, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thị Kiều Trinh. Còn con chung Trần Thị Kiều Hoa chị đồng ý giao cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện chị T **đang làm thuê, thu nhập bình quân khoảng 5.000.000 đồng/tháng**, đủ điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng con chung. Theo biên bản làm việc với cháu Trần Thị Kiều Trinh lập ngày 16/6/2025, cháu Trinh có nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn thì cháu muốn sống cùng mẹ là chị T. Theo biên bản làm việc với cháu Trần Thị Kiều Hoa lập ngày 24/7/2025, cháu Trinh có nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn thì cháu muốn sống cùng cha là anh M.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh M không đến Toà án để trình bày và nêu ý kiến đối với yêu cầu nuôi con chung của chị T nên phải chịu hậu quả bất lợi theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó để tiếp tục đảm bảo điều kiện phát triển về thể chất và tinh thần cho các cháu, Hội đồng xét xử thống nhất giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thị Kiều Trinh, sinh ngày 29/12/2008, giao cho anh M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thị Kiều Hoa, sinh ngày 27/4/2015 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Trần Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Trần Thị Kiều Trinh, sinh ngày 29/12/2008 mà không ai được quyền cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị Nguyễn Kim T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Trần Thị Kiều Hoa, sinh ngày 27/4/2015 mà không ai được quyền cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3.] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Kim T và anh Trần Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Kim T và anh Trần Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Kim T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 19, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Kim T được ly hôn với anh Trần Văn M.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

2.1. Về nuôi con chung:

2.1.1. Giao cho chị Nguyễn Kim T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thị Kiều Trinh, sinh ngày 29/12/2008 cho đến khi cháu Trần Thị Kiều Trinh đủ 18 tuổi.

Anh Trần Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Trần Thị Kiều Trinh, sinh ngày 29/12/2008 mà không ai được quyền cản trở.

2.1.2. Giao cho anh Trần Văn M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thị Kiều Hoa, sinh ngày 27/4/2015 cho đến khi cháu Trần Thị Kiều Hoa đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Kim T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Trần Thị Kiều Hoa, sinh ngày 27/4/2015 mà không ai được quyền cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Kim T và anh Trần Văn M không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Kim T và anh Trần Văn M không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Kim T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013083 ngày 24/12/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bình M (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 3 – Vĩnh Long). Chị Nguyễn Kim T đã nộp xong.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án

dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008.

6. Án xử công khai, chị Nguyễn Kim T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3: 01;
- Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 3: 01;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Vĩnh Long: 01;
- UBND phường Đông Thành, tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Đường sự: 02;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Thúy Quỳnh